



Capital Insight
Client Innovation

Số/No.: 31/2021/CBTT

Ngày 27 tháng 05 năm 2021/ May 27th, 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCX
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH STOCK EXCHANGE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HN/ *Ha Noi Stock Exchange*

Công ty: Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt (TVS)

Name of Company: Thien Viet Securities Joint Stock Company (TVS)

Mã chứng khoán/Securities code: TVS

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Head office address: TDL Building, 22 Lang Ha, Lang Ha Ward, Dong Da District, Ha Noi

Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820

Fax: 024 3248 4821

Người thực hiện công bố thông tin/ Spokeswoman: Trần Thị Hồng Nhung

Điện thoại/Telephone: 028.62992099 (ext: 2240)

Fax: 028.62992088

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Type of information disclosure: 24h 72h Irregular On Demand Periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed:*

Quy chế Ban Kiểm Soát TVS 2021/ *2021 Regulations on Supervisory Board of TVS*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/05/2021 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-co-dong/> This information have been posted on the Company's website on May 27th 2021: <https://www.tvs.vn/en/investor-relation>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We would declare to be fully responsible for the accuracy of the above information.

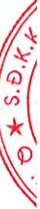
**Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorised Representative to disclose information**



Trần Thị Hồng Nhung
Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro
Risk Management Manager

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Số: QCBKS-002
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2021



MỤC LỤC

Cơ sở pháp lý	
CHƯƠNG I:	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2: Nguyên tắc hoạt động	3
Điều 3: Giải thích các từ viết tắt	3
CHƯƠNG II:	4
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 5: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 7: Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 8: Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Chương III:	6
BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 13: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	8
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
Chương IV	9
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát	9
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
Chương V	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác	10
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	10
Chương VI	11
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 21: Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	11
Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
Chương VII	12
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 24: Hiệu lực thi hành	12

Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần tháng 03 năm 2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thiên Việt bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Quy chế này quy định Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát nhằm thực hiện Điều lệ Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt và Pháp luật của Nhà nước.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 3: Nguyên tắc hoạt động

3.1. Ban kiểm soát hoạt động độc lập theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty để thay mặt Cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 4: Giải thích các từ viết tắt

- a) Công ty: Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt.
- b) Điều lệ công ty: Điều lệ sửa đổi Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03 tháng 03 năm 2021 và các thay đổi hợp lệ.
- c) Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt.
- d) ĐHCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt.
- e) Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt.
- f) Cổ đông: Cổ đông của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt.
- g) Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

- h) Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 5.1. Thành viên Ban kiểm soát tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 5.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 5.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 5.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- 5.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

- 6.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 6.2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- 6.3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 6.4. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm bảo ngay công việc theo chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bổ nhiệm hoặc cho các thành viên còn lại của Ban kiểm soát.
- 6.5. Trong nhiệm kỳ nếu xảy ra khuyết thành viên Ban kiểm soát thì ĐHĐCĐ sẽ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát mới theo hình thức bầu trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 6.6. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 7.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 7.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 7.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 7.4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- 7.5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 7.6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7.7. Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

Điều 8: Trưởng Ban kiểm soát

8.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

8.2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 9: Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

9.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Các Cổ Đông được quy định tại Điều 9.1(h) của Điều Lệ công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 40% đến dưới 75% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 75% trở lên đề cử đủ số ứng viên Ban Kiểm Soát.

9.2. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

9.3. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

9.4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu thông thường. Theo đó, mỗi Cổ Đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần mình đại diện (bao gồm cổ phần mình sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền); mỗi lần bầu cho một ứng cử viên là một lần biểu quyết và tại đó mỗi Cổ Đông có quyền sử dụng toàn bộ số biểu quyết của mình hoặc không sử dụng số biểu quyết nào để bầu ứng cử viên; số biểu quyết sử dụng tại lần biểu quyết trước không ảnh hưởng đến số biểu quyết được sử dụng tại lần biểu quyết sau. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ. Người trúng cử không buộc phải có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết của toàn bộ Cổ Đông tham gia biểu quyết. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

11.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

11.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

12.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

12.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- (a) giám sát HĐQT và Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công Ty;
- (b) kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- (c) thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHCĐ. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- (d) rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
- (e) xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định Điều 9.1(i) của Điều Lệ;

- (f) khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định tại Điều 9.1 (i) của Điều Lệ, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 35.6 này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (g) kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (h) khi phát hiện có Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc vi phạm quy định của Điều Lệ này, và vi phạm pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (i) có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty;
- (j) có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- (k) Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- (l) Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- (m) Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- (n) Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- (o) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- (p) Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- (q) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- (r) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- (s) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- (t) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.
- (u) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- (v) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;



Handwritten signature

- (w) Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- (x) Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- (y) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát tại ĐHĐCĐ thường niên;
- (z) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14: Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

- 14.1. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát theo định kỳ hàng quý, hàng năm.
- 14.2. Triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ và bất thường và hoạt động với tư cách Trưởng ban kiểm soát.
- 14.3. Yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty theo quy định tại mục d khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty.
- 14.4. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- 14.5. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Ban kiểm soát.
- 14.6. Được quyền tham dự hoặc ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp hội đồng quản trị của Công ty.
- 14.7. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát.
- 14.8. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 14.9. Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 14.10. Yêu cầu các thành viên Ban kiểm soát báo cáo, giải trình những vấn đề mà mình phụ trách hoặc một số nội dung khác theo chế độ thông tin báo cáo chung hay đột xuất.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại điều 171 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

15.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

15.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

Đ.Đ.07
C
C
CH
TH
BA Đ

15.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát

Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

16.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

16.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

16.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

17.1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

17.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

17.3. Quyết định của BKS:

- a) Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng phương pháp biểu quyết theo đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát.
- b) Thành viên Ban kiểm soát có ý kiến khác với ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát, có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được quyền đề nghị ghi vào Biên bản cuộc họp.

17.4. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể họp bất thường trên cơ sở đề nghị của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
- Trưởng ban kiểm soát; hoặc
- Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

17.5. Thời gian giữa hai kỳ họp, Ban kiểm soát và các thành viên duy trì chế độ thông tin báo cáo theo yêu cầu công việc. Các thành viên ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo các báo cáo kiểm soát quý, năm và cung cấp các văn bản cần thiết khác có liên quan đến lĩnh vực kiểm soát (nếu có) cho Trưởng ban kiểm soát.

17.6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm:

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác

- 20.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 20.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 20.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

- 21.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

21.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

21.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

21.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

21.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 22: Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

23.1. Quan hệ với Ban Điều hành Công ty:

- Ban Điều hành chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

23.2. Quan hệ với các phòng ban Công ty:

- Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các phòng, đơn vị phải trực tiếp hoặc phối hợp với Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- Ban kiểm soát kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán của Công ty.

23.3. Quan hệ với các đơn vị, cán bộ công nhân viên trực thuộc Công ty:

Các đơn vị, cán bộ công nhân viên trực thuộc Công ty phải cung cấp tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Định kỳ Ban kiểm soát thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào sổ biên bản họp, trực tiếp báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất;

Ban kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ khi Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc công ty đề nghị.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25: Hiệu lực thi hành

25.1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt bao gồm 7 chương và 25 điều được soạn bởi Ban Kiểm soát có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 23 tháng 04 năm 2021.

25.2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này được áp dụng theo Điều lệ hoạt động của Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

25.3. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban Kiểm soát quyết định thông qua Đại hội đồng cổ đông xem xét.

25.4. Các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Thư ký công ty, các ban, phòng và các đơn vị thành viên trong toàn Công ty có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Đỗ Việt Hùng

